

Số: **48** /BC-VHTTDL

Yên Bái, ngày **17** tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả rà soát di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Thực hiện Công văn số 3957/UBND-VX ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, lựa chọn các di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc, nổi bật và xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để lập hồ sơ đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát tổng thể di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Căn cứ đề xuất của các huyện, thị xã, thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ CỦA CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI

1. Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

Trong giai đoạn 2014 đến năm 2018, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo Trung tâm Quản lý di tích và Phát triển du lịch tiến hành 06 cuộc kiểm kê Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn các huyện: Lục Yên, Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải và thị xã Nghĩa Lộ (thành phố Yên Bái chưa tiến hành hoạt động kiểm kê).

Tính tới thời điểm hiện tại trên địa 08 huyện, thị xã có 574 di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số:

*** / Chia theo loại hình:**

- Loại hình tiếng nói, chữ viết (27 di sản).
- Loại hình ngữ văn dân gian (35 di sản).
- Loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian (63 di sản).
- Loại hình tập quán xã hội (317 di sản).
- Loại hình lễ hội truyền thống (32 di sản);
- Loại hình nghề thủ công truyền thống (42 di sản).
- Loại hình tri thức dân gian (58 di sản).

***/ Chia theo dân tộc:**

- Dân tộc Cao Lan (Sán Chay): 29 di sản.
- Dân tộc Khơ Mú: 22 di sản.
- Dân tộc Dao (4 nhóm: Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Quần Trắng, Dao Tuyển): 109 di sản.
- Dân tộc Giáy: 18 di sản.
- Dân tộc Mông (gồm 4 nhóm dân tộc Mông: Mông Đơ (tức Mông Trắng); Mông Đu (tức Mông Đen); Mông Linh (Mông Lèn, Mông Hoa); Mông Si (Mông Đỏ): 116 di sản.
- Dân tộc Hoa: 14 di sản.
- Dân tộc Kinh: 46 di sản.
- Dân tộc Mường: 35 di sản.
- Dân tộc Nùng (gồm 2 nhóm: Nùng An và Nùng Phú): 48 di sản.
- Dân tộc Tày: 58 di sản.
- Dân tộc Thái (2 nhóm: Thái đen và Thái trắng): 51 di sản.
- Dân tộc Phù Lá (Xá Phó): 28 di sản.

2. Đánh giá chung loại hình di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

2.1. Tiếng nói, chữ viết

a. Về tiếng nói:

Hầu hết các dân tộc đều bảo tồn tốt tiếng nói của dân tộc mình và thường xuyên sử dụng giao tiếp trong gia đình, cộng đồng dân tộc. Một số địa phương, giao tiếp trong buôn bán, trao đổi hàng hóa ở các phiên chợ vùng cao tiếng Thái, tiếng Mông làm ngôn ngữ chung. Riêng những gia đình sống ở thị trấn, việc giao tiếp sử dụng kết hợp tiếng dân tộc mình với tiếng Kinh.

b. Về chữ viết:

Các dân tộc đều sử dụng chữ viết phổ thông (chữ quốc ngữ). Các dân tộc có chữ viết riêng như Thái, Mông, Tày, Dao, Nùng hiện nay chủ yếu các thầy cúng, thầy Mo, thầy Tào biết viết đọc chữ dân tộc mình để hành nghề. Những gia đình có người làm thầy cúng, thầy Mo, thầy Tào thì vẫn còn lưu giữ chữ viết và sách chữ Hán, chữ Nôm, chữ Phạn...

Tỉnh Yên Bái hàng năm vẫn mở các lớp dạy tiếng dân tộc Mông cho cán bộ, công chức và cấp chứng chỉ. Còn một số địa phương các nghệ nhân có mở các lớp dạy chữ viết cho các em nhỏ, nhưng không nhiều. Tuy nhiên chỉ học

theo lối chép lại văn bản chứ không được truyền dạy có bài bản (trừ dạy chữ Mông, chữ Thái), do không sử dụng thường xuyên nên các em nhỏ chỉ sau một thời gian lại quên.

2.2. Ngữ văn dân gian

Loại hình ngữ văn dân gian của các dân tộc còn lại 35 di sản văn hóa, chủ yếu hát dân ca, hát đối đáp, giao duyên, hát ru, trường ca có khám hải, sử thi có Cầm Hành đánh giặc Cờ vàng... các loại truyện kể, truyện ngụ ngôn. Còn lại nhiều di sản văn hóa bị mai một hoặc đã bị mất.

2.3. Nghệ thuật trình diễn dân gian

Loại hình trình diễn dân gian còn lại 63 di sản văn hóa, khá đa dạng, phong phú và được bảo tồn tương đối tốt. Dân tộc Dao có múa rùa, múa đao, múa kiếm, múa cờ, múa phát nương... Dân tộc Mông có múa ô, múa khèn, múa gậy tiền, múa Sênh tiền (hay còn gọi là múa xiên tiền); dân tộc Thái có hát khắp, múa xòe; hạn khuông; dân tộc Tày có hát then, xòe then; dân tộc Phù Lá có múa "xình xi bá"; dân tộc Mường có múa mồi; dân tộc Cao Lan có múa chim gâu, múa xúc tép, múa trống tang sành, múa đâm cá, múa côm mới, múa chày...

Các loại nhạc cụ thường được sử dụng là: đàn môi, khèn lá, khèn bè, nhị, sáo (dân tộc Mông); sáo mũi, khèn bầu (dân tộc Phù Lá); trống tang sành, chuông, chũm chọe, quả nhạc (dân tộc Dao); chuông, khèn ống nửa, trống đất, chũm chọe (dân tộc Cao Lan), Khèn bè (dân tộc Thái); quả nhạc, chũm nhạc, trống, đàn tính (dân tộc Tày). Các nhạc cụ được sử dụng trong các lễ hội, đám cưới, đám tang, các buổi sinh hoạt cộng đồng.

Các nghệ nhân trình diễn loại hình này đã cao tuổi, nhiều nghệ nhân đã qua đời. Vì vậy, loại hình này có nguy cơ mai một rất lớn. Đặc biệt là những nghệ nhân, người am hiểu và chế tác, biểu diễn nhạc cụ không còn nhiều.

2.4. Tập quán xã hội

Loại hình tập quán xã hội có 317 di sản văn hóa, nhiều nhất trong các loại hình và rất phong phú, đa dạng. Các dân tộc vẫn gìn giữ, phát huy như: Lễ cấp sắc, tết nhảy (dân tộc Dao); lễ cúng dòng họ-zù su, nào sông (dân tộc Mông); lễ đón mẹ lúa, lễ cầu mùa (dân tộc Khơ Mú); tắm khẩu mầu (dân tộc Tày); lễ cầu mưa, xên bản, xên mừng, xên đông, tục hỏi cưới (dân tộc Thái); lễ cầu mùa, tục hỏi-cưới (dân tộc Phù Lá)...

Các phong tục liên quan đến tín ngưỡng ít biến đổi, còn các tập quán liên quan đến ăn, mặc, ở, lễ cưới, tang ma đã có những đổi thay do cuộc sống của các dân tộc cũng đã có nhiều đổi khác về nhận thức, hoàn cảnh sống.

Luật tục chỉ thấy có tồn tại ở người Mường, người Mông và Dao (chỉ là truyền miệng) và qua các đời, cộng đồng tự giác thực hành.



2.5. Lễ hội truyền thống

Loại hình lễ hội truyền thống còn 32 di sản văn hóa, chủ yếu được tổ chức định kỳ vào đầu năm mới gắn với các di tích lịch sử (đình, đền, chùa), hướng tới mục đích chung là cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, sức khỏe bình an, vật nuôi, cây trồng phát triển.

Những lễ hội đặc sắc, phạm vi, quy mô lớn: Lễ hội đền Đông Công, lễ hội đền Nhược Sơn, lễ hội đền Phúc Linh (huyện Văn Yên); lễ hội đền Đại Cại-Hắc Y, lễ hội đền Suối Tiên (huyện Lục Yên); lễ hội đền Thác Bà (huyện Yên Bình); lễ hội đền Nam Cường (thành phố Yên Bái); lễ hội đình, đền Quy Mông (huyện Trấn Yên); lễ hội Gầu Tào (dân tộc Mông, huyện Trạm Tấu).

Hiện nay, các lễ hội truyền thống có hướng mở rộng cả về phạm vi lẫn quy mô nên đã thu hút hàng ngàn lượt người tham gia, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch.

2.6. Nghề thủ công truyền thống

Nghề trồng bông (người Dao, Tày, Cao Lan, Mường), trồng lanh (người Mông), nhuộm vải, thêu hoa văn trên trang phục hiện nay số lượng người thực hành không còn nhiều.

Đối với người Mông, người Dao nghề dệt, nhuộm, in thêu trên trang phục truyền thống vẫn được bảo lưu và trao truyền rất tốt.

Do thị trường hàng hóa đa dạng, phong phú nên nghề đan lát của các dân tộc đã mai một nhiều. Đặc biệt nghề đan lát của dân tộc Khơ Mú, hiện nay số người biết rất ít. Nghề làm giấy dó (giấy bản), chạm khắc bạc và làm đồ trang sức bạc của người Dao, rèn của người Mông đã mai một nhiều và có nguy cơ biến mất.

2.7. Tri thức dân gian

Những tri thức dân gian về thiên nhiên, đời sống con người, lao động sản xuất, y dược học cổ truyền... hiện nay ít được sử dụng do khoa học kỹ thuật phát triển. Tuy nhiên, các dân tộc Dao, Cao Lan, Tày, Mông vẫn giữ được tri thức về y dược, in thêu hoa văn trên trang phục truyền thống...

3. Thực trạng các Di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê

3.1. Di sản văn hóa đã được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

Toàn tỉnh hiện có 03 di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: *Nghệ thuật trình diễn dân gian Hạn Khuống của dân tộc Thái thị xã Nghĩa Lộ; Nghệ thuật trình diễn dân gian Xòe của dân tộc Thái Mường Lò-Nghĩa Lộ. Lễ cấp sắc (tập quán xã hội) của dân tộc Dao*

Đồ, xã Đại Sơn, huyện Văn Yên. Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa di sản văn hóa phi vật thể Lễ mừng cơm mới dân tộc Mông, huyện Mù Cang Chải vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

3.2. Di sản văn hóa phi vật thể còn tồn tại

Có 472 Di sản văn hóa phi vật thể còn tồn tại, gồm:

- Dân tộc Cao Lan (Sán Chay): 17 di sản.
- Dân tộc Khơ Mú: 15 di sản.
- Dân tộc Dao (4 nhóm: Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Quần Trắng, Dao Tuyền): 102 di sản.
- Dân tộc Giáy: 08 di sản.
- Dân tộc Mông (gồm 4 nhóm dân tộc Mông: Mông Đơ (tức Mông Trắng); Mông Đu (tức Mông Đen); Mông Linh (Mông Lèn, Mông Hoa); Mông Si (Mông Đò): 110 di sản.
- Dân tộc Hoa: 06 di sản.
- Dân tộc Kinh: 40 di sản.
- Dân tộc Mường: 20 di sản.
- Dân tộc Tày: 53 di sản.
- Dân tộc Thái (2 nhóm: Thái đen và Thái trắng): 46 di sản.
- Dân tộc Phù Lá (Xá Phó): 20 di sản.
- Dân tộc Nùng: 35 di sản.

3.3. Di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một

Có 19 di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một, gồm:

- Dân tộc Cao Lan (Sán Chay): 01 di sản.
- Dân tộc Khơ Mú: 06 di sản.
- Dân tộc Giáy: 01 di sản.
- Dân tộc Mông (gồm 4 nhóm dân tộc Mông: Mông Đơ (tức Mông Trắng); Mông Đu (tức Mông Đen); Mông Linh (Mông Lèn, Mông Hoa); Mông Si (Mông Đò): 05 di sản.
- Dân tộc Kinh: 01 di sản.
- Dân tộc Mường: 05 di sản.

3.4. Các Di sản văn hóa phi vật thể đã mai một

Có 83 di sản văn hóa phi vật thể đã bị mai một, gồm:

- Dân tộc Cao Lan (Sán Chay): 11 di sản.
- Dân tộc Khơ Mú: 01 di sản.
- Dân tộc Dao (4 nhóm: Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Quần Trắng, Dao Tuyên): 07 di sản.
- Dân tộc Giáy: 09 di sản.
- Dân tộc Mông (gồm 4 nhóm dân tộc Mông: Mông Đơ (tức Mông Trắng); Mông Đu (tức Mông Đen); Mông Linh (Mông Lệnh, Mông Hoa); Mông Si (Mông Đỏ): 01 di sản.
- Dân tộc Hoa: 08 di sản.
- Dân tộc Kinh: 05 di sản.
- Dân tộc Mường: 10 di sản.
- Dân tộc Tày: 05 di sản.
- Dân tộc Thái (2 nhóm: Thái đen và Thái trắng): 05 di sản.
- Dân tộc Phù Lá (Xá Phó): 08 di sản.
- Dân tộc Nùng: 13 di sản.

(Danh mục cụ thể các di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê trên địa bàn 08 huyện, thị xã gửi kèm Báo cáo này).

II. DANH SÁCH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ ĐƯA VÀO DANH MỤC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

Căn cứ giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và vai trò của các di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê đối với đời sống cộng đồng hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch dự kiến lập 10 hồ sơ đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, giai đoạn 2021-2025 và 15 hồ sơ đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trong những năm tiếp theo tại các huyện: Trấn Yên, Lục Yên, Yên Bình, Văn Yên, Văn Chấn, Mù Cang Chải, Trạm Tấu, thị xã Nghĩa Lộ *(có danh sách kèm theo)*.

III. KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục góp phần nhận diện, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Cấp kinh phí tiếp tục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố Yên Bái.

2. Xem xét, phê duyệt danh mục hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

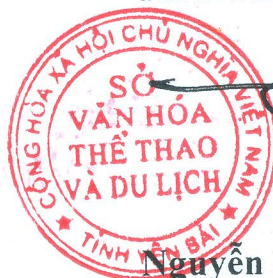
3. Công bố Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê sau khi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ kiểm kê theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái./. ✓

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo sở;
- Trung tâm QLDT&PTDL;
- Lưu: VT, QLVH ✓

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Lâm Tới